TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/02/2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Dung

Bà Đỗ Thị Thịnh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Quang - Thư ký Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 343/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Ông **Đỗ Trường G**, sinh năm 1977; (có mặt);

Nơi thường trú: …, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: …, chung cư M, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Phạm Ngọc Hà, bà Phạm Thị Thùy Linh - Luật sư Công ty Luật TNHH H.A Law Group, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt bà Hà).

2. **Bị đơn**: Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1977; (có mặt);

Nơi thường trú: …, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: …, chung cư M, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đỗ Trường G trình bày: Ông kết

hôn với bà Nguyễn Thị Thu T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2004 tại Ủy ban nhân dân phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do lối sống của ông và bà T không hòa hợp. Ban đầu mâu thuẫn từ những điều nhỏ nhặt trong sinh hoạt hàng ngày, sau đó ngày càng âm ỉ, trầm trọng dẫn đến không thể dung hòa được với nhau. Khi cháu Đỗ Hải Đ còn nhỏ vì ông cho mẹ đẻ ông vay tiền do chính ông làm ra sau đó mới kể cho bà T biết, bà T rất tức giận và lấy dao dọa ông, làm ầm ĩ suốt buổi đêm. Ngày hôm sau bà T yêu cầu ông đi mua ngay một két sắt và mang hết tiền để ở nhà mẹ ông về nhà và ông đã làm theo yêu cầu của bà T. Ông có kể chuyện này với mẹ ông thì mẹ ông có khuyên nếu không hòa hợp thì vợ chồng ly hôn, nhưng ông có nói với mẹ ông là vì con còn nhỏ nên ông sẽ chịu đựng. Đến cuối tháng 9/2023 ông đưa mẹ ông và một người bạn của mẹ ông vào chơi và ở tại nhà là tài sản chung của vợ chồng tại Đà Lạt, nhưng không nói với bà T vì ông thấy bà T công việc bận rộn và một phần vì bà T và mẹ ông cũng không hòa hợp. Sau khi biết được sự việc trên thì bà T rất giận giữ, ông và bà T xảy ra cãi nhau, bà T tỏ ra mất kiểm soát và liên tục đập cửa gỗ và cửa kính gây tiếng động lớn vào buổi tối và có nguy cơ vỡ, gây mất an toàn nên ông có đẩy bà T và giữ cổ bà T khống chế. Sau đó ông có xin lỗi bà T về hành vi của mình nhưng bà T vẫn nói với con rằng "bố bóp cổ mẹ, sau này con lấy vợ thì đừng bóp cổ vợ" đồng thời bà T nhắn tin cho mẹ chồng với nội dung "Con bà vừa bóp cổ vợ, bà cho con bà về ở cùng và trả con lại cho mẹ nó". Ông cảm thấy bị tổn thương và quyết tâm rời khỏi mối quan hệ hôn nhân này. Đến tháng 01/2024 bà T có nhắn tin "Em thấy hôn nhân này quá ngột ngạt". Ông cũng nhất trí và nói với bà T sẽ nộp đơn ly hôn. Đến tháng 02/2024 thì bà T có nhắn tin cho ông "Tôi không thể chịu đựng tình trạng này nữa rồi. Hãy nói chuyện để đi hay ở". Từ tháng 02/2024 ông và bà T sống ly thân, mỗi người ở một phòng, không sinh hoạt vợ chồng. Ngày 12/12/2024 bà T có yêu cầu ông dọn ra khỏi nhà ngay thì bà T sẽ đồng thuận ly hôn sau 6 tháng nữa, ông không đồng ý và nói nếu bà T đồng thuận ly hôn thì ông sẽ dọn ra ngoài ngay.

Ông và bà T cũng đã nói chuyện với nhau để cải thiện mâu thuẫn đồng thời gia đình ông có khuyên giải nhiều lần, nhưng đều không có kết quả. Ông thừa nhận ông cũng có tình cảm với người phụ nữ khác từ tháng 3/2024, ông cũng có nói công khai với mọi người trong gia đình, ông thấy việc này không sai vì ông không còn tình cảm với bà T, mong muốn được ly hôn nhưng bà T cương quyết không đồng thuận ly hôn. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông và bà T không thể tiếp tục chung sống với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị Thu T.

- Về con chung: Ông xác nhận ông và bà T có 02 con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 01/10/2005 và Đỗ Hải Đ, sinh ngày 25/8/2011. Ly hôn, cháu Đỗ Minh H đã trưởng thành, việc ở với ai do cháu tự quyết định; ông đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hải Đ và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho bà T là 10

triệu đồng/1 tháng. Hiện nay ông làm tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông xác nhận ông và bà T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: Bà và ông Đỗ Trường G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2004 tại Ủy ban nhân dân phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Bà thấy ông G yêu bà vô điều kiện, không tính toán và bà rất biết ơn về điều đó. Gia đình hai bên chưa lần nào phải họp gia đình để hòa giải mối quan hệ cho vợ chồng bà. Bà trân quý chồng, rất biết ơn chồng đã hết lòng chăm lo cho vợ con trong những năm cùng chung sống, bản chất ông G là người chồng tốt và yêu thương vợ. Trong cuộc sống bà cũng có những lỗi nhỏ nhặt như hay cáu gắt, áp đặt sự cầu toàn lên chồng con làm cho ông G không thoải mái, nhưng khi ông G trao đổi, bà cũng thấy mình sai và đã sửa đổi. Bà và ông G vẫn sống cùng nhà, nhưng mỗi người ở một phòng vì ông G chủ động tránh mặt bà. Bà không đồng ý với các ý kiến mà ông G trình bày. Thứ nhất việc ông G cho mẹ vay tiền mà không nói với bà thì bà cảm thấy ông G không có sự tôn trọng bà. Thứ hai sở dĩ bà có phản ứng khi ông G cho mẹ đến ở nhà của vợ chồng bà ở Đà Lạt mà không nói với bà vì trước đây cháu bà có ra nhà vợ chồng bà ở nhờ trong thời gian chờ để tìm nhà thuê thì cũng không được mẹ ông G đồng ý nên bà cảm thấy bị qua mặt, bà không có tiếng nói gì trong gia đình. Nhưng sau đó bà có nói chuyện với mẹ chồng, giải thích lý do bà có phản ứng như thế thì hai mẹ con đã bỏ qua và vui vẻ với nhau, mẹ chồng bà có bảo bà rằng bà chỉ có mình bà là con dâu duy nhất và có nói "Mặc dù con chưa sống với bà ngày nào, nhưng bà chỉ coi con là con dâu duy nhất trong gia đình này, bà không chấp nhận một người con dâu nào khác ngoài con". Sở dĩ bà có nhắn tin với ông Thanh và nói rằng hôn nhân này quá ngột ngạt vì ông G lại yêu cầu bà phải đóng tiền phí dịch vụ quản lý chung cư, mặc dù số tiền này rất nhỏ và trước đây ông G vẫn đóng tiền này mà nay lại thay đổi như vậy, nhưng sau đó bà cũng đã chuyển số tiền này cho ông G. Sở dĩ tháng 02/2024 bà có nhắn tin cho ông G rằng "Tôi không thể chịu đựng tình trạng này nữa rồi, hãy nói chuyện để đi hay ở" vì tự nhiên bà thấy ông G không thể hiện tình cảm mặn nồng như thường lệ mà lại giữ khoảng cách với bà. Từ đó cho đến nay ông G cũng không còn thể hiện tình cảm mặn nồng và vẫn giữ khoảng cách với bà. Việc bà nhắn tin cho ông G là dọn ra ngoài vì bà muốn vợ chồng ly thân một thời gian trước lúc quyết định có ly hôn hay không và ông G nói muốn được tự do nên bà cũng muốn ông G được tự do hoàn toàn.

Theo ông G có nói chuyện với bà thì ông G có tình cảm với người phụ nữ khác từ tháng 3/2024, bà cảm thấy bị tổn thương và cũng không chất vấn gì ông

G, bà cũng khuyên giải và bao dung cho lỗi lầm của ông G và mong ông G suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Bà cảm thấy thương ông G nhiều hơn là hận thù vì ông G phải trải qua nhiều biến cố liên tục như: bố mất, hai bác mất và bị nghỉ việc, thời gian ở nhà nhiều hơn. Cùng thời điểm đó thì công việc của bà lại rất bận nên bà chưa kịp thời chia sẻ, quan tâm, sâu sát hơn với ông G. Trong thời điểm đó ông G có tâm sự chuyện gia đình với người phụ nữ khác là người mà ông bảo có quan hệ tình cảm. Tháng 2/2024 ông G có nói chuyện với bà về việc ông G không còn tình cảm với bà thì bà có nói với ông G là bà không muốn xa nhau trong thời điểm này vì bà vẫn yêu thương ông G. Nay ông G có đơn xin ly hôn thì bà xác định vẫn còn tình cảm với ông G, mâu thuẫn giữa bà và ông G chỉ là nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày và đều được giải quyết hết nên bà không đồng ý ly hôn ông G.

- Về con chung: Bà xác nhận bà và ông G có 02 con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 01/10/2005 và Đỗ Hải Đ, sinh ngày 25/8/2011. Trường hợp nếu phải ly hôn thì bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hải Đ và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con của ông G là 10 triệu đồng/1 tháng. Cháu Đỗ Minh H đã trưởng thành, việc ở với ai do cháu tự quyết định. Hiện nay bà làm nhân viên văn phòng, thu nhập hàng tháng khoảng 30.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Bà và ông G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác nhận bà và ông G không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Cháu Đỗ Hải Đ có đơn trình bày cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn là ông Đỗ Trường G vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị Thu T vì tính cách của ông và bà T không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn giữa ông và bà T đã kéo dài, không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ với nhau, ông không thể tiếp tục chung sống cùng bà T. Ông đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Hải Đ, sinh ngày 25/8/2011 và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho bà T là 10.000.000 đồng/tháng. Cháu Đỗ Minh H, sinh ngày 01/10/2005 đã trưởng thành, việc ở với ai là do cháu tự quyết định. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nhà ở chung.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T không đồng ý ly hôn với ông G, quá trình chung sống bà và ông G không có mâu thuẫn gì trầm trọng, bà cũng có những lỗi nhỏ nhặt nhưng đều đã sửa chữa, bà không đưa ra được biện pháp gì để ông G quay về đoàn tụ. Nếu phải ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Hải Đ, sinh ngày 25/8/2011 và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 đồng/tháng; cháu Đỗ Minh H, sinh ngày 01/10/2005 đã trưởng thành, việc ở với ai do cháu tự quyết định. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nhà ở chung.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông G; giao cháu Đỗ Hải Đ, sinh ngày 25/8/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 đồng/tháng; cháu Đỗ Minh H đã trưởng thành, việc ở với ai do cháu tự quyết định. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Trường G đối với bà Nguyễn Thị Thu T. Về con chung: cháu Đỗ Minh H, sinh ngày 01/10/2005 đã trưởng thành, việc ở với ai do cháu quyết định; giao cháu Đỗ Hải Đ, sinh ngày 25/8/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đỗ Trường G có đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2024 về việc xin ly hôn bà Nguyễn Thị Thu T, cư trú tại: 3005D, chung cư Mandarin Gardens 2, 493 Trương Định, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Trường G và bà Nguyễn Thị Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2004 tại Ủy ban nhân dân phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, nên quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà T là hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của ông G, bà T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: quá trình chung sống đến tháng 02/2024 ông G và bà T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do ông G và bà T không có sự đồng cảm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau. Ông G và bà T mặc dù ở cùng nhà, nhưng mỗi người ở một phòng, không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa

án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để ông G và bà T có cơ hội trao đổi hàn gắn tình cảm vợ chồng, mong muốn vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông G và bà T vẫn không tìm được tiếng nói chung. Bà T cũng thừa nhận trong quá trình chung sống bà cũng có những lỗi lầm nhỏ, bà không đưa ra được biện pháp gì để ông G suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông G vẫn cương quyết xin ly hôn bà T, ông không thể tiếp tục chung sống cùng bà T.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau ...* ". Hội đồng xét xử xét thấy, ông G và bà T đã không còn thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Mặc dù bà T khẳng định vẫn còn tình cảm với ông G, không đồng ý ly hôn ông G, nhưng cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Như vậy, nếu có duy trì cuộc sống chung giữa ông G và bà T cũng không đạt được mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc mà chỉ gây căng thẳng, ức chế cho nhau. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thấy rằng mâu thuẫn giữa ông G và bà T đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông G, cho ông G được ly hôn bà T.

[3] Về con chung: ông G và bà T xác nhận ông, bà có 02 con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 01/10/2005 và Đỗ Hải Đ, sinh ngày 25/8/2011.

Ly hôn, cháu Đỗ Minh H đã trưởng thành, ông G và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông G đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hải Đ và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho bà T là 10.000.000 đồng/tháng. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hải Đ và đồng ý ông G cấp dưỡng nuôi con cho bà là 10.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy, cháu Đỗ Minh H đã thành niên (đủ 18 tuổi), ông G và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Đối với việc nuôi dưỡng cháu Đỗ Hải Đ: hiện nay cháu Đăng vẫn đang ở cùng bố mẹ. Cháu Đỗ Hải Đ có đơn trình bày ý kiến cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông G cũng đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hải Đ và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đăng cho bà T là 10.000.000 đồng/tháng. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung sau khi ly hôn cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Đỗ Hải Đ, sinh ngày 25/8/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ông G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T là 10.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 02/2025 cho đến khi cháu Đăng đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, nhà ở chung: ông G và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

[5] Về nợ chung: ông G và bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, ông G là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng, ông G phải chịu 600.000 đồng án phí, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tại phiên tòa phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đỗ Trường G đối với bà Nguyễn Thị Thu T.

Ông Đỗ Trường G được ly hôn bà Nguyễn Thị Thu T.

2. Về con chung: ông Đỗ Trường G và bà Nguyễn Thị Thu T có 02 con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 01/10/2005 và Đỗ Hải Đ, sinh ngày 25/8/2011.

Cháu Đỗ Minh H đã thành niên (đủ 18 tuổi), ông G và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

Giao con chung là cháu Đỗ Hải Đ, sinh ngày 25/8/2011 cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đỗ Trường G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Hải Đ cho bà T là 10.000.000 đồng/tháng (Mười triệu đồng một tháng), kể từ tháng 02/2025 cho đến khi cháu Đăng thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ông Đỗ Trường G có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Ông Đỗ Trường G và bà Nguyễn Thị Thu T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

4. Về nợ chung: Ông Đỗ Trường G và bà Nguyễn Thị Thu T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

5. Về án phí: Ông Đỗ Trường G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông G đã nộp tại biên lai thu số 0033795 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Ông G còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Ông Đỗ Trường G, bà Nguyễn Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Phương Minh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai;
- Ủy ban nhân dân phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (GCNKH số 147, quyển số 01/04 ngày 15/12/2004);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.